TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 932/2018/DS-PT
Ngày: 16/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung
Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 02, 16/10/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 418/2018/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3605/2018/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Quế N**, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường A, Phường B, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Võ Thúy H**, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường G, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/8/2017).

Bị đơn: 1. Bà **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1964
2. Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1966
3. Bà **Nguyễn Thị Bích V**, sinh năm 1967
Cùng trú tại: Đường K, Phường I, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:
Luật sư **Nguyễn Thị Phương T2** – Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: bà **Nguyễn Thị Bích P,** bà **Nguyễn Thị Bích T,** bà **Nguyễn Thị Bích V**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thúy H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Quế N trình bày:

Ngày 13/01/2012, bà Lâm Quế N có cho ba chị em gồm bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Việc vay tiền này đã được hai bên lập Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà đất căn nhà Đường K, Phường I, quận T1 được Phòng Công Chứng số M, số công chứng số 001773, quyển số 1/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2012. Bà N đã giao tiền mặt ngay trong ngày 13/01/2012 cho bà P, bà T và bà V, tại thời điểm đó hai bên thống nhất quy đổi bằng 57.000 USD, mỗi tháng trả lãi là 23 triệu đồng. Ngày 18/5/2012 phía bị đơn vay thêm 400.000.000 đồng quy ra thành 23.000 USD. Hai khoản vay này hai bên thống nhất thời hạn vay là 60 tháng (5 năm) và có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, việc trả lãi được thực hiện hằng tháng. Phía bị đơn không trả lãi và vốn cho hai khoản vay nêu trên nên ngày 22/8/2017 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng gồm 1.200.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp ghi trên và 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 1.206.000.000 (Một tỷ hai trăm lẻ sáu triệu) đồng của 2 khoản trên. Tổng cộng 2.806.000.000 (Hai tỷ tám trăm lẻ sáu triệu) đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2018 và ngày 12/4/2018 bị đơn xác định còn nợ vốn của nguyên đơn là 71.800 USD, hai bên thống nhất bằng miệng giá 1 USD là 22.500 đồng, nên 71.800 USD quy đổi thành tiền Việt Nam là 1.615.500.000 đồng. Để giảm nợ cho bị đơn nên nguyên đơn đồng ý với số nợ mà bị đơn còn thiếu này và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi cho hai khoản tiền bị đơn đã vay.

Ngày 10/5/2018 bà N nộp đơn rút lại một phần yêu cầu theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2017, cụ thể là rút lại toàn bộ số tiền lãi đối với của Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà đất cùng tiền lãi của số tiền trao tay 400.000.000 đồng, tổng cộng là 1.190.500.000 đồng; chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.615.500.000 đồng. Nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản mà bị đơn đã thế chấp là căn nhà Đường K, Phường I, quận T1 được Phòng Công Chứng số M, công chứng số 001773, quyển số 1/TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V cùng trình bày:

Ngày 13/01/2012, ba chị em bà gồm bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V có vay của bà Lâm Quế N số tiền 1.200.000.000 đồng, tại thời điểm đó hai bên thống nhất quy đổi thành 57.000 USD. Việc vay

tiền này đã được hai bên lập Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà đất là căn nhà Đường K, Phường I, quận T1 tại Phòng Công Chứng số M, số công chứng: 001773, quyển số 1/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2012. Sau đó ba chị em có vay thêm của bà N 400.000.000 đồng, hai khoản vay này hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2018 và ngày 12/4/2018 bị đơn xác định còn nợ vốn của nguyên đơn là 71.800 USD, hai bên thống nhất bằng miệng giá 1USD là 22.500 đồng, nên quy đổi thành tiền Việt Nam là 1.615.500.000 đồng. Nay bị đơn xin trả dần cho nguyên đơn mỗi năm là 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu có điều kiện thì trả nhiều hơn cho nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 418/2018/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T1 đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điếu 119, Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và căn cứ điểm b mục 1.3, khoản 1 phần II, Danh mục A của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết ghi trên;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lâm Quế N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích V phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc 1.615.500.000 (Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà N ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, để bà N chấm dứt vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà P, bà T, bà V. Nếu bà P, bà T, bà V không trả được nợ thì bà N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản mà bị đơn đã thế chấp cho bà N là căn nhà Đường K, Phường I, quận T1 được Phòng Công chứng số M Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, công chứng số 001773, quyển số 1/TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

Địa điểm giao thi hành: Tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ xét xử số tiền lãi 1.190.500.000 (Một tỷ một trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn) đồng do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu đối với bị đơn.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán thì phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm là: 60.465.000 (Sáu mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích V mỗi người phải nộp 20.155.000 (Hai mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T1. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 44.060.000 (Bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng cho bà Lâm Quế N theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006938 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/7/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Thị Phương T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, giữa nguyên đơn và bị đơn đã chốt được số nợ là số tiền 1.615.500.000 đồng, hiện nay phía bị đơn chỉ đề nghị nguyên đơn cho trả chậm số tiền nêu trên. Bên cạnh đó, bà V có lời trình bày bà không liên quan đến khoản nợ 400.000.000 đồng, chỉ có bà T, bà P đứng ra vay của bà N. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà V được đối chất với bà N. Ngoài ra, vụ án có liên quan đến việc phát mãi căn nhà đã thế chấp để trả nợ, hiện nay trong nhà còn có ba cháu Gia L1, Quang D1, Phương A1 đang cư trú nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa các cháu tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chưa có lời khai của các cháu. Do đó nếu hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của Luật sư. Bà xác định bà cùng bà P, bà V có vay tiền và thế chấp nhà cho bà Lâm Quế N, nay các bên thống nhất số nợ là 1.615.500.000 đồng. Phía bị đơn xin được thanh toán số nợ cho bà N theo hình thức trả góp một năm trả 100.000.000 đồng. Bà V không vay khoản tiền 400.000.000 đồng của bà N mà chỉ có bà P vay, bản thân bà đồng ý cùng trả khoản nợ này cùng bà P còn bà V không liên quan.

Hiện nay trong nhà Đường K, Phường I, quận T1 có 05 người đang thực tế sinh sống là Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Hồng Gia Linh1 sinh năm 2001 là con của bà P, Vũ Nguyễn Phương A1 sinh năm 1991 là con của bà V, Vũ Nguyễn Quang D1 sinh năm 2008 là con của bà V. Cháu Phương A1 còn đang đi học, không có đóng góp gì vào căn nhà.

Cha mẹ bà chỉ có ba người con duy nhất là bà cùng Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích V, không có con riêng với ai khác.

Bà Võ Thúy H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Quế N trình bày:

Không đồng ý với phương thức trả nợ của bị đơn. Việc vay số tiền 400.000.000 đồng là có mặt đầy đủ cả ba chị em bà T, bà P, bà V; còn việc ai là người trực tiếp sử dụng khoản tiền trên là việc nội bộ của các bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V vẫn xác định số nợ phải trả cho bà N là 1.615.500.000 đồng, bà V chỉ đề nghị được trả chậm số nợ, nên nguyên đơn vẫn yêu cầu bà V phải có trách nhiệm đối với số tiền này. Ngoài ra, từ trước đến nay phía bị đơn đều khai chỉ có bà P, bà T sinh sống tại căn nhà trên mà không còn ai khác do đó nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu hủy án của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Phía bị đơn đã thừa nhận việc vay tiền và thế chấp nhà cho nguyên đơn, hai bên đã thống nhất số nợ là 1.615.500.000 đồng. Nay bị đơn xin được thanh toán khoản nợ theo hình thức trả góp nhưng nguyên đơn không đồng ý, do đó đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo lời trình bày và xác nhận của các bên đương sự thì vào ngày 14/01/2012 bà Lâm Quế N cùng các bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V đã cùng đến Phòng công chứng số M, TP.Hồ Chí Minh để ký Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà, theo đó bà N cho bà P, bà T, bà V vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, bà P, bà T, bà V đồng ý thế chấp căn nhà và đất tại Đường K, Phường I, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà N. Sau đó vào ngày 18/5/2012, bà P, bà T, bà V tiếp tục vay của bà N số tiền 400.000.000 đồng, khoản vay này không lập giấy tờ nhưng hai bên cũng thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất giống như khoản vay trước. Do đến thời hạn trả nợ mà bà P, bà T, bà V không thanh toán nên ngày 22/8/2017 bà N khởi kiện yêu cầu buộc bà P, bà T, bà V phải trả tổng cộng nợ gốc và lãi của hai khoản vay là 2.806.000.000 đồng. Ngày 10/5/2018, bà N có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà P, bà T, bà V có trách nhiệm trả số nợ là 1.615.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất số nợ là 1.615.500.000 đồng. Nay bị đơn kháng cáo đề nghị được thanh toán khoản nợ theo hình thức trả góp

mỗi năm trả 100.000.000 đồng. Đồng thời bà T còn trình bày: khoản vay 400.000.000 đồng không liên quan đến bà V nên bà V không phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại các biên bản hòa giải ngày 21/3/2018, 12/4/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà V luôn thừa nhận cả ba chị em bà còn nợ bà N tổng số tiền 1.615.500.000 đồng, bà V chỉ đề nghị được trả chậm số nợ trên. Sau khi xử sơ thẩm, bà V kháng cáo nhưng cũng không đề cập đến việc không liên quan đến khoản nợ 400.000.000 đồng. Sau đó bà V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Việc bà V không liên quan đến khoản vay 400.000.000 đồng cũng chỉ là lời trình bày của bà T tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ theo sự thừa nhận của bà V tại các biên bản hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, có đủ cơ sở để xác định bà V phải cùng chịu trách nhiệm đối với khoản vay 400.000.000 đồng.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn, do nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả chậm nên cấp sơ thẩm buộc bà P, bà T, bà V phải trả cho bà N toàn bộ số nợ là có cơ sở.

[2] Đối với tài sản là căn nhà Đường K, Phường I, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh đã được phía bị đơn thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo khoản vay: ngày 16/7/2003 UBND quận T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số 5438/2003 cho bà Nguyễn Thị Bích P là đại diện thừa kế của ông Nguyễn G1 và bà Nguyễn Thị H1; đồng thời tại Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 25/7/2003 tại phần những người thừa kế di sản của ông G1, bà H1 chỉ có ba con là bà P, bà T, bà V. Công an Phường I, quận T1 có trả lời tại Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án ngày 11/9/2018 rằng không nắm được ông G1, bà H1 có bao nhiêu người con; phía bị đơn xác định ông G1, bà H1 không còn người con chung hay con riêng nào khác. Như vậy việc các bị đơn dùng tài sản là căn nhà thuộc sở hữu chung của các bị đơn để thế chấp cho nguyên đơn đảm bảo cho khoản vay là hoàn toàn hợp lệ. Theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự 2015 thì khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì tài sản bảo đảm phải được xử lý. Đồng thời theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng công chứng ngày 14/01/2012, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi căn nhà đã thế chấp để thu hồi nợ. Theo xác minh của Công an và xác nhận của bà T tại phiên tòa phúc thẩm thì tại căn nhà trên ngoài bà T, bà P còn có ba cháu là Hồng Gia L1 sinh năm 2001 là con của bà P, Vũ Nguyễn Phương A1 sinh năm 1991 là con của bà V, Vũ Nguyễn Quang D1 sinh năm 2008 là con của bà V đang sinh sống. Xét thấy, cháu L1 có bà P là người đại diện theo pháp luật, cháu D1 có bà V là người đại diện theo pháp luật. Riêng cháu Phương A1, theo lời khai của bà T tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/10/2018 thì cháu đang ở nhờ để đi học, không có đóng góp công sức gì vào căn nhà. Các bị đơn đã thừa nhận việc vay tiền và thế chấp nhà. Do đó, việc hủy án đưa về cấp sơ thẩm để làm rõ công sức đóng góp của

các cháu là không cần thiết, chỉ làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án mà không thay đổi bản chất của sự việc.

[3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Bà P, bà T, bà V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 292, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Quế N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V có trách nhiệm thanh toán cho bà N toàn bộ số tiền còn nợ là 1.615.500.000 (Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà P, bà T, bà V không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì bà N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là căn nhà và đất tại Đường K, Phường I, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả số tiền 1.190.500.000 (Một tỷ một trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn) đồng do nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 60.465.000 (Sáu mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng; bà P, bà T, bà V mỗi người phải nộp 20.155.000 (Hai mươi

triệu một trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.060.000 (Bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0006938 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T1.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà P, bà T, bà V mỗi người phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà các bà đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu số 0008581, 0008582, 0008583 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T1

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận T1;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung